

**Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm
Việt Nam**

Báo cáo tài chính

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến
ngày 31 tháng 03 năm 2016

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 24

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106000740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 4 tháng 6 năm 1995 và được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 2295/QĐ-BVNTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch. Theo Quyết định số 2355/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2013, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã quyết định cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam gắn với xây dựng Dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia. Theo đó, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị và hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 148 đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đức Thế	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Ông Lê Thăng Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Ông Vũ Ngoạn Hợp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Văn Thị Hải Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
-------------------	---------------	----------------------------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thăng Long.

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 4 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.662.250.662.548	1.657.635.522.083
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	36.869.345.046	940.690.149.955
111	1. Tiền		6.869.345.046	10.690.149.955
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	930.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.624.866.931.658	716.867.165.982
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.511.384.660	10.682.812.192
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	9.857.709.697	9.063.133.157
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	18	1.569.436.450.000	669.436.450.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	44.061.387.301	27.684.770.633
140	III. Hàng tồn kho		53.230.804	68.176.980
141	1. Hàng tồn kho		53.230.804	68.176.980
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		461.155.040	10.029.166
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		55.400.001	10.029.166
	2. Thuế GTGT được khấu trừ		405.755.039	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		56.538.918.166	59.148.031.652
220	I. Tài sản cố định		41.532.596.005	46.388.251.667
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	41.504.809.265	46.357.548.261
222	Nguyên giá		146.204.727.545	146.296.413.545
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(104.699.918.280)	(99.938.865.284)
227	2. Tài sản cố định vô hình		27.786.740	30.703.406
228	Nguyên giá		35.000.000	35.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.213.260)	(4.296.594)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		14.133.782.746	11.458.705.473
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	14.133.782.746	11.458.705.473
260	III. Tài sản dài hạn khác		872.539.415	1.301.074.512
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	872.539.415	1.301.074.512
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.718.789.580.714	1.716.783.553.735

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.905.446.336	16.108.366.283
310	I. Nợ ngắn hạn		6.905.446.336	14.415.630.283
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	367.185.547	4.674.258.517
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		55.787.938	466.080.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.783.995.817	5.863.381.603
314	4. Phải trả người lao động		51.575.130	1.623.214.846
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11.2	1.960.594.036	1.091.312.787
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			218.491.645
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	12.1	1.686.307.868	478.890.885
330	II. Nợ dài hạn		-	1.692.736.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	12.2	-	1.692.736.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.711.884.134.378	1.700.675.187.452
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	1.711.884.134.378	1.700.675.187.452
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.666.040.500.000	1.666.040.500.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		1.666.040.500.000	1.666.040.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.288.132.925	5.288.132.925
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển			-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.555.501.453	29.346.554.527
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.346.554.527	29.346.554.527
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		11.208.946.926	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.718.789.580.714	1.716.783.553.735

Đỗ Thị Ngọc Tú
Người lập

Nguyễn Thế Hoàn
Kế toán trưởng

Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

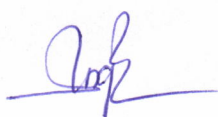
Ngày 20 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

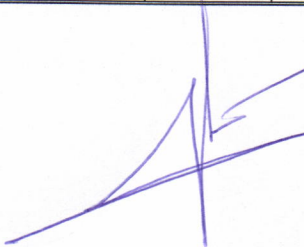
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.1	9.809.885.381
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14.1	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	14.1	9.809.885.381
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	15	(15.131.755.424)
20	5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(5.321.870.043)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	22.872.139.353
22	7. Chi phí tài chính		-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-
25	8. Chi phí bán hàng		(193.044.795)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	(3.342.692.703)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.014.531.812
31	11. Thu nhập khác		2.410.907
32	12. Chi phí khác		-
40	13. Lợi nhuận khác		2.410.907
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.016.942.719
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	(2.807.995.793)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.208.946.926



Đỗ Thị Ngọc Tú
Người lập



Nguyễn Thế Hoàn
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		14.016.942.719
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		4.841.311.242
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	14.2	(22.872.139.353)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4,013,885,392)
09	Giảm các khoản phải thu		11.197.598.777
10	Giảm hàng tồn kho		14.946.176
11	Giảm các khoản phải trả		(7.852.958.172)
12	Giảm chi phí trả trước		383.164.262
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.235.299.148)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.506.433.497)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.583.391.273)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(900.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		3.269.556.106
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(899.313.835.167)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu		-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(903.820.268.664)
60	Tiền đầu kỳ		940.690.149.955
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(536.245)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	36.869.345.046



Đỗ Thị Ngọc Tú
Người lập





Nguyễn Thế Hoàn
Kế toán trưởng

Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 4 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (“Công ty”), tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106000740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 4 tháng 6 năm 1995 và được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 2295/QĐ-BVNTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch. Theo Quyết định số 2355/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2013, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã quyết định cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam gắn với xây dựng Dự án Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc gia. Theo đó, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị và hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 148 đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 135 người.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 và điều chỉnh lại một số số liệu so sánh như đã trình bày tại Thuyết minh số 21.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản).

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Máy móc, thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	3 – 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc và khi dịch vụ được cung cấp.

Doanh thu cho thuê mặt bằng

Doanh thu cho thuê mặt bằng ngắn hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.12 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
Tiền mặt	42.174.465	530.323.362
Tiền gửi ngân hàng	6.827.170.581	10.159.826.593
Các khoản tương đương tiền	<u>30.000.000.000</u>	<u>930.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>36.869.345.046</u>	<u>940.690.149.955</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng với lãi suất 4,5%/năm và có thời hạn 1 tháng.

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ:

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ	2.748,31	2.751,61

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
Phải thu từ hoạt động triển lãm	1.482.044.660	10.311.649.413
Phải thu từ hoạt động khác	<u>29.340.000</u>	<u>371.162.779</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.511.384.660</u>	<u>10.682.812.192</u>

Trong đó:

<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	1.511.384.660	10.677.577.193
<i>Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan</i>	-	5.234.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
Trả trước cho người bán		
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất Hà Nội	1.800.000.000	1.800.000.000
- Công ty GMP International	3.754.746.357	3.388.211.618
- Công ty TNHH Arup Việt Nam	3.200.000.000	3.200.000.000
- Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội	991.571.340	
- Các nhà cung cấp khác	111.392.000	674.921.539
TỔNG CỘNG	9.857.709.697	9.063.133.157
Dự phòng trả trước cho người bán khó thu hồi	-	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
Phải thu lãi cho vay và lãi tiền gửi	43.784.404.434	27.378.784.942
Tạm ứng cho nhân viên	132.528.449	259.591.307
Phải thu khác	144.454.418	46.394.384
TỔNG CỘNG	44.061.387.301	27.684.770.633
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 18)</i>	<i>43.744.404.434</i>	<i>24.141.284.942</i>
<i>Phải thu khác từ các bên khác</i>	<i>316.982.867</i>	<i>3.543.485.691</i>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	-	-

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc			Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:									
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2016	128.517.763.471	10.863.522.399	4.808.010.962	2.107.116.713	146.296.413.545				
Giảm trong kỳ	-	(91.686.000)	-	-	(91.686.000)				
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	128.517.763.471	10.771.836.399	4.808.010.962	2.107.116.713	146.204.727.545				
Giá trị hao mòn lũy kế:									
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2016	87.561.111.353	8.723.496.784	2.671.693.257	982.563.890	99.938.865.284				
Khấu hao trong kỳ	4.363.079.766	227.975.235	123.286.419	124.053.156	4.838.394.576				
Giảm	-	(77.341.580)	-	-	(77.341.580)				
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	91.924.191.119	8.874.130.439	2.794.979.676	1.106.617.046	104.699.918.280				
Giá trị còn lại:									
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2016	40.956.652.118	2.140.025.615	2.136.317.705	1.124.552.823	46.357.548.261				
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	36.593.572.352	1.897.705.960	2.013.031.286	1.000.499.667	41.504.809.265				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
Dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia mới	6.956.168.182	4.353.818.182
Dự án Trung tâm Văn hóa, Du lịch, Thương mại tại Mỹ Trì	6.220.914.683	6.220.914.683
Dự án Trung tâm Thương mại, Dịch vụ, Văn hóa tại 148 Giảng Võ	956.699.881	883.972608
TỔNG CỘNG	14.133.782.746	11.458.705.473

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
Công cụ, dụng cụ	696.398.072	937.969.387
Chi phí trả trước dài hạn khác	176.141.343	363.105.125
TỔNG CỘNG	872.539.415	1.301.074.512

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>	<i>Số phát sinh trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Phân loại lại sang khoản phải thu</i>	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>
Thuế giá trị gia tăng	803.430.826	2.975.970.323	(3.204.629.344)	405.755.039	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 17)	4.169.532.060	2.807.995.793	(4.235.299.148)	-	2.742.228.705
Thuế thu nhập cá nhân	890.418.717	663.374.405	(1.512.026.010)	-	41.767.112
Thuế môn bài		3.000.000	(3.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	5.863.381.603	3.820.056.780	(7.305.197.595)	405.755.039	2.783.995.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

11.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016
Phải trả nhà cung cấp hội chợ triển lãm Milan	-	4.553.120.000
Phải trả cho người bán khác	367.185.547	121.138.517
TỔNG CỘNG	367.185.547	4.674.258.517

11.2 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016
Trích trước chi phí điện	57.000.000	75.229.478
Trích trước chi phí thuê đất	1.486.430.400	-
Trích trước chi phí khác	417.163.636	1.016.083.309
TỔNG CỘNG	1.960.594.036	1.091.312.787

12. PHẢI TRẢ KHÁC

12.1 Phải trả ngắn hạn khác

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016
Tiền đặt cọc thuê gian hàng (i)	1.407.736.000	-
Phải trả khác	278.571.868	478.890.885
TỔNG CỘNG	1.686.307.868	478.890.885

(i) Khoản đặt cọc dài hạn khác được phân loại sang Phải trả ngắn hạn

12.2 Phải trả dài hạn khác

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016
Đặt cọc từ khách hàng	-	1.692.736.000
TỔNG CỘNG	-	1.692.736.000

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 06/05/2015	1.666.040.500.000	-	-	-	-	-	1.666.040.500.000
Tăng vốn trong năm trước	-	5.288.132.925	-	-	-	-	5.288.132.925
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	29.346.554.527	29.346.554.527
Số dư ngày 01/01/2016	1.666.040.500.000	5.288.132.925	-	-	-	29.346.554.527	1.700.675.187.452
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	11.208.946.926	11.208.946.926
Số dư cuối kỳ 31/03/2016	1.666.040.500.000	5.288.132.925	-	-	-	40.555.501.453	1.711.884.134.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2016			Ngày 01 tháng 01 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn cổ phần của Nhà nước	166.604.050.000	166.604.050.000	-	166.604.050.000	166.604.050.000	-
Vốn cổ phần của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	1.388.109.450.000	1.388.109.450.000	-	1.388.109.450.000	1.388.109.450.000	-
Vốn cổ phần của cổ đông khác	111.327.000.000	111.327.000.000	-	111.327.000.000	111.327.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	5.288.132.925	5.288.132.925	-	5.288.132.925	5.288.132.925	-
TỔNG CỘNG	1.671.328.632.925	1.671.328.632.925	-	1.671.328.632.925	1.671.328.632.925	-

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND
	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016
Tổng doanh thu	9.809.885.381
<i>Trong đó:</i>	
Doanh thu từ hoạt động triển lãm, hội chợ	9.482.846.151
Doanh thu từ các dịch vụ khác	327.039.230
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Doanh thu thuần	9.809.885.381

14.2 Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND
	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.872.675.598
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá	(536.245)
TỔNG CỘNG	22.872.139.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

15. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

*Cho giai đoạn tài chính từ
ngày 01 tháng 01 đến ngày
31 tháng 03 năm 2016*

Chi phí nhân viên	5.466.547.393
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	276.228.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.826.099.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.562.879.930
TỔNG CỘNG	<u><u>15.131.755.424</u></u>

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

*Cho giai đoạn tài chính từ
ngày 01 tháng 01 đến ngày
31 tháng 03 năm 2016*

Chi phí nhân viên	2.245.887.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	957.913.806
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	138.891.726
TỔNG CỘNG	<u><u>3.342.692.703</u></u>

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế.

Đơn vị tính: VND

Cho giai đoạn tài chính từ
ngày 01 tháng 01 đến ngày
31 tháng 03 năm 2016

Lợi nhuận trước thuế	14.016.942.719
<i>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</i>	
Các chi phí không được trừ khác	22.500.000
(Lãi)/lỗ đánh giá lại các khoản tiền có gốc ngoại tệ	536.245
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	14.039.978.964
Chi phí thuế TNDN phải nộp ước tính trong kỳ	2.807.995.793
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	4.169.532.060
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(4.235.299.148)
Thuế thu TNDN phải nộp cuối kỳ	2.742.228.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Cho vay</i>	<i>Lãi vay phải thu</i>
Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	Công ty mẹ	900.000.000.000	19.603.119.492
TỔNG CỘNG		900.000.000.000	19.603.119.492

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cuối kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu từ các bên liên quan tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 gồm:

► **Phải thu khách hàng và phải thu khác**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
<i>Phải thu lãi vay</i>			
Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	Công ty mẹ	Lãi vay phải thu	43.744.404.434
			43.744.404.434

► **Phải thu ngắn hạn về cho vay**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
		<i>VND</i>	<i>%/năm</i>	
Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	Công ty mẹ	599.436.450.000	6%	29/05/2016
		70.000.000.000	6%	04/06/2016
		900.000.000.000	6%	29/01/2017
		1.569.436.450.000		

Khoản cho vay này có thời hạn là 1 năm và lãi suất là 6%/năm. Lãi vay sẽ được thanh toán vào ngày thanh toán gốc vay. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

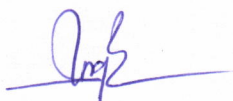
vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

19. CÁC CAM KẾT

Theo đề án cổ phần hóa đã được phê duyệt và các văn bản pháp lý có liên quan, Công ty đang thực hiện một số cam kết liên quan đến việc phát triển Dự án Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia ở Nhật Tân, Hà Nội, Dự án Trung tâm văn hóa, du lịch, thương mại ở Mỹ Trì, Hà Nội và Dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn hóa ở 148 Giảng Võ, Hà Nội.

20. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Đỗ Thị Ngọc Tú
Người lập



Nguyễn Thế Huân
Kế toán trưởng

Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 4 năm 2016